SAO Y; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố; 17/12/2021; 17:40:12 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17 /2021/NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày 10 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 204/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng thay thế Nghị quyết số

08/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 145/BC-KTNS ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết. Định kỳ hàng năm, Ủy ban nhân dân thành phố tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- ĐB HĐND TP khóa XVI;
- Các VP: TU, ĐĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP ĐĐBQH và HĐND TP;
- Cty TNHH MTV QL và KDN
- Công báo TP, Cổng TTĐT TP (để đăng);
- Báo HP, Đài PT và TH HP;
- Các CV VP ĐĐBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Phạm Văn Lập

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17 /2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định về: Mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý một số loại tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng trong các trường hợp bị mất, bị hủy hoại; xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án; xử lý tài sản là kết quả của dự án; xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập sở hữu toàn dân.

2. Ngoài các quy định cụ thể tại Nghị quyết này, việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý sử dụng tài sản công và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; đơn vị sự nghiệp công lập; văn phòng quận ủy, huyện ủy; tổ chức khác (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị); cá nhân khác có liên quan đến quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Tài sản công thực hiện phân cấp

1. Trụ sở làm việc là đất, nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi tắt là trụ sở làm việc).

2. Cơ sở hoạt động sự nghiệp là đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là cơ sở hoạt động sự nghiệp).

3. Nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước thuộc quỹ nhà cho thuê sử dụng vào

mục đích sản xuất kinh doanh dịch vụ được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng vận hành (sau đây gọi tắt là nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh).

4. Tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật là công trình kết cấu dạng nhà hoặc dạng kết cấu khác sử dụng làm cơ sở tiện ích, cấu trúc phục vụ trực tiếp cho việc lưu trữ, xử lý nước và thoát nước thải; lưu trữ, xử lý chất thải rắn; chiếu sáng khu vực công cộng; chôn cất, hỏa táng, cử hành tang lễ; duy trì cảnh quan đô thị, gồm: tài sản thuộc hệ thống chiếu sáng đô thị; tài sản thuộc hệ thống thoát nước đô thị; tài sản thuộc hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa, mảng xanh công cộng đô thị; tài sản thuộc hệ thống xử lý chất thải rắn; tài sản thuộc các cơ sở nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; cống, bể, hào, hầm, tuy nen kỹ thuật và kết cấu khác sử dụng cho cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật (sau đây gọi tắt là tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật).

5. Tài sản là xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng, xe mô tô, tàu thuyền, xuồng (sau đây gọi chung là phương tiện vận chuyển).

6. Tài sản là máy móc, thiết bị và các tài sản khác (sau đây gọi chung là tài sản khác).

Điều 4. Nguyên tắc phân cấp

1. Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện phân cấp thẩm quyền quyết định cho Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong việc thực hiện các quy định quản lý tài sản công.

2. Việc phân cấp thẩm quyền nhằm bảo đảm việc quản lý tài sản công được thực hiện theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

3. Việc phân cấp thẩm quyền bảo đảm người nào, tổ chức nào quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm thì người đó, tổ chức đó thực hiện thuê; điều chuyển; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp

luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định mua sắm đối với tài sản:

a1) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, phương tiện vận chuyển và tài sản khác có giá dự toán gói thầu mua sắm từ 3.000 triệu đồng trở lên: Sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;

a2) Tài sản khác có giá dự toán gói thầu mua sắm từ 500 triệu đồng đến dưới 3.000 triệu đồng.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành; người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; người đứng đầu các tổ chức: chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp thành phố (sau đây gọi chung là tổ chức cấp thành phố) và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị tương đương; Chánh Văn phòng quận ủy, huyện ủy quyết định mua sắm tài sản khác thuộc phạm vi quản lý có giá dự toán gói thầu mua sắm dưới 500 triệu đồng trừ tài sản quy định tại điểm d khoản 2 Điều này;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định mua sắm đối với:

c1) Tài sản khác thuộc phạm vi quản lý có giá dự toán gói thầu mua sắm từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp;

c2) Tài sản khác thuộc phạm vi quản lý có giá dự toán gói thầu mua sắm dưới 100 triệu đồng trừ tài sản quy định tại điểm d, đ khoản này.

d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện (sau đây gọi tắt là người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cấp sở, cấp huyện) người đứng đầu các tổ chức: chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp huyện (sau đây gọi chung là tổ chức cấp huyện) và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị tương đương quyết định mua sắm tài sản khác thuộc phạm vi quản lý có giá dự toán gói thầu mua sắm dưới 100 triệu đồng;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) quyết định mua sắm tài sản khác thuộc phạm vi quản lý có giá dự toán gói thầu mua sắm dưới 100 triệu đồng sau khi có ý

kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp;

e) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều này.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thuê đối với:

a) Tài sản có giá dự toán thuê từ 500 triệu đồng đến dưới 1.000 triệu đồng (với thời hạn thuê là 01 năm);

b) Tài sản có giá dự toán thuê từ 1.000 triệu đồng trở lên (với thời hạn thuê là 01 năm) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức cấp thành phố và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị tương đương; Chánh Văn phòng quận ủy, huyện ủy quyết định thuê đối với tài sản có giá dự toán thuê dưới 500 triệu đồng (với thời hạn thuê là 01 năm) trừ tài sản quy định tại Khoản 4 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê đối với:

a) Tài sản có giá dự toán thuê từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng (với thời hạn thuê là 01 năm) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Tài sản có giá dự toán thuê dưới 100 triệu đồng (với thời hạn thuê là 01 năm) trừ tài sản quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cấp sở, cấp huyện, tổ chức cấp huyện và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị tương đương quyết định thuê đối với tài sản có giá dự toán thuê dưới 100 triệu đồng (với thời hạn thuê là 01 năm).

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê đối với tài sản có giá dự toán thuê dưới 100 triệu đồng (với thời hạn thuê là 01 năm) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

6. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại

điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thu hồi đối với tài sản:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, phương tiện vận chuyển, nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh, tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật và tài sản khác có giá trị tài sản nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên;

b) Tài sản thuộc thẩm quyền thu hồi của người đứng đầu các sở, ban, ngành; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, người đứng đầu tổ chức cấp thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chánh Văn phòng quận ủy, huyện ủy nhưng không thực hiện thu hồi theo thẩm quyền.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức cấp thành phố, cơ quan, đơn vị tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chánh Văn phòng quận ủy, huyện ủy quyết định thu hồi tài sản khác có giá trị tài sản nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp sở, cấp huyện, các cơ quan, đơn vị tương đương, tổ chức cấp huyện quyết định thu hồi tài sản khác có giá trị tài sản nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 8. Phân cấp thẩm quyền điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chuyển tài sản giữa các sở, ban, ngành, quận, huyện; giữa cấp thành phố và cấp huyện, cấp xã; giữa các đơn vị thuộc các Sở, ngành; giữa các đơn vị thuộc cấp huyện, cấp xã đối với tài sản:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, phương tiện vận chuyển, tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật và tài sản khác có giá trị tài sản nguyên giá từ 3.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên: Sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;

b) Tài sản khác có giá trị tài sản nguyên giá dưới 3.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các sở, ban, ngành, quận, huyện; giữa cấp thành phố và cấp huyện, cấp xã;

c) Tài sản khác có giá trị tài sản nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới

3.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các đơn vị thuộc các Sở, ngành; giữa các đơn vị thuộc cấp huyện, cấp xã;

d) Tài sản của dự án thuộc cấp thành phố và dự án thuộc cấp huyện đã kết thúc hoặc không còn nhu cầu sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức cấp thành phố và các cơ quan, đơn vị tương đương; Chánh Văn phòng quận ủy, huyện ủy quyết định điều chuyển tài sản khác có giá trị tài sản nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản khác có giá trị tài sản nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Điều 9. Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bán đối với tài sản:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, phương tiện vận chuyển, nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh, tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật và tài sản khác có giá trị tài sản nguyên giá từ 3.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên: Sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;

b) Tài sản khác có giá trị tài sản nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 3.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức cấp thành phố, các cơ quan, đơn vị tương đương; Chánh Văn phòng quận ủy, huyện ủy quyết định bán tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị tài sản nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị tài sản nguyên giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp sở, cấp huyện, các cơ quan, đơn vị tương đương, tổ chức cấp huyện; quyết định bán tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị tài sản nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản khác có giá trị

tài sản nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Điều 10. Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thanh lý đối với tài sản:

a) Tài sản có giá trị nguyên giá từ 100.000 triệu đồng trở lên, sau khi được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua;

b) Tài sản có giá trị nguyên giá từ 10.000 triệu đồng đến dưới 100.000 triệu đồng, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;

c) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, phương tiện vận chuyển, nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh, tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị tài sản nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên; trừ các tài sản quy định tại điểm a, b khoản này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức cấp thành phố, các cơ quan, đơn vị tương đương; Chánh Văn phòng quận ủy, huyện ủy quyết định thanh lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị tài sản nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị tài sản nguyên giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp sở, cấp huyện, các cơ quan, đơn vị tương đương, tổ chức cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị tài sản nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác có giá trị tài sản nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Điều 11. Phân cấp thẩm quyền tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định tiêu hủy đối với tài

sản:

a) Tài sản có giá trị nguyên giá từ 100.000 triệu đồng trở lên, sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Hội đồng nhân dân thành phố;

b) Tài sản có giá trị nguyên giá từ 10.000 triệu đồng đến dưới 100.000 triệu đồng, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;

c) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, phương tiện vận chuyển, nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh, tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị tài sản nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên; trừ các tài sản quy định tại điểm a, b khoản này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức cấp thành phố; các cơ quan, đơn vị tương đương; Chánh Văn phòng quận ủy, huyện ủy quyết định tiêu hủy tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị tài sản nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị tài sản nguyên giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành, tổ chức cấp huyện và các cơ quan, đơn vị tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị tài sản nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác có giá trị tài sản nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Điều 12. Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xử lý đối với tài sản:

a) Tài sản có giá trị nguyên giá từ 100.000 triệu đồng trở lên, sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Hội đồng nhân dân thành phố;

b) Tài sản có giá trị nguyên giá từ 10.000 triệu đồng đến dưới 100.000 triệu đồng, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;

c) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, phương tiện vận chuyển, nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh, tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị tài sản nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên; trừ các tài sản quy định tại điểm a, b khoản này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức cấp thành phố; các cơ quan, đơn vị tương đương; Chánh Văn phòng quận ủy, huyện ủy quyết định xử lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị tài sản nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị tài sản nguyên giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành, tổ chức cấp huyện và các cơ quan, đơn vị tương đương quyết định xử lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác, tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị tài sản nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác có giá trị tài sản nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Điều 13. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của thành phố; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp thành phố có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện, cấp xã; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

cấp xã và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện có liên quan.

Điều 14. Phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản là kết quả của dự án (trong trường hợp dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng tài sản)

Việc điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các tài sản là kết quả của dự án sử dụng vốn nhà nước (trong trường hợp dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng tài sản) thực hiện theo nội dung quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quy định này.

Điều 15. Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa;

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố;

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho địa phương theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động;

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền;

đ) Tài sản chuyển giao cho địa phương theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại khoản 7 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ.

Điều 16. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định tịch thu;

b) Cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương quyết định tịch thu là phương tiện vận chuyển; tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng/đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương quyết định tịch thu là tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản.

Điều 17. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án các cấp chuyển giao cho Sở Tài chính và Phòng Tài chính - Kế hoạch là phương tiện vận chuyển và tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án thành phố, quân sự chuyển giao cho Sở Tài chính là tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan điều tra, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch là tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 18. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế

Người có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế thì quyết định phê duyệt phương án xử lý.

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất quản lý đối với tài sản công thuộc thẩm quyền trên phạm vi toàn thành phố.

2. Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch các quận, huyện có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chấp hành chế độ quản lý tài sản công tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp.

3. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp tại quy định này và các quy định khác liên quan.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thống nhất quản lý tài sản công do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình quản lý, sử dụng theo phân cấp tại quy định này và các quy định khác có liên quan./.